



KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ DỮ LIỆU THUẬT NGỮ TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH TẠO HÌNH ĐA PHƯƠNG TIỆN PHỤC VỤ CHO GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Hồ Đắc Diễm Thường*

Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế, 10 Tô Ngọc Vân, Huế, Việt Nam

Tóm tắt: Thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành là công cụ giúp giảng viên và sinh viên tiếp cận nguồn tri thức mới, nên việc biên soạn bộ dữ liệu thuật ngữ này để sử dụng cho giảng dạy và học tập là một nhu cầu tất yếu đang được các nhà nghiên cứu quan tâm thực hiện. Để bộ dữ liệu thuật ngữ được phát huy hiệu quả, việc biên soạn phải chính xác, khoa học và dễ sử dụng. Vì vậy, việc đánh giá dữ liệu trước khi sử dụng là cần thiết để tác giả điều chỉnh và hoàn thiện. Bài báo này trình bày quy trình xây dựng và đánh giá trước khi sử dụng nhằm hoàn thiện bộ dữ liệu thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành *Tạo hình đa phương tiện* mà chúng tôi đang nghiên cứu biên soạn để phục vụ công tác đào tạo và học tập của sinh viên Mỹ thuật nói chung và của trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế nói riêng. Từ việc khảo sát điều tra, phỏng vấn các chuyên gia và dựa trên các tiêu chí đánh giá, bài báo đã phân tích những ý kiến của các chuyên gia đối với bộ dữ liệu. Từ đó, bài báo đưa ra những đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng bộ dữ liệu phục vụ cho đào tạo và nhu cầu học tập của sinh viên tại trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế.

Từ khóa: thuật ngữ, tiếng Anh chuyên ngành, Tạo hình Đa phương tiện, quy trình xây dựng, đánh giá tài liệu

I. Mở đầu

Ngày nay, thuật ngữ hình thành và phát triển không ngừng cùng với sự phát triển của các ngành khoa học khác nhau. Điều này đã thu hút được rất nhiều sự quan tâm của các nhà ngôn ngữ học trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Thực tế nghiên cứu trong thời gian qua cho thấy các nhà ngôn ngữ học đã xây dựng một kho tàng lớn về thuật ngữ học. Vinogradov [7] đã phát biểu rằng: *“Nếu như không biết được định nghĩa thuật ngữ thì cũng sẽ không biết được thuật ngữ và cũng không thể có mối liên hệ nào giữa các từ và các sự liên tưởng ở đây cả”*. Tổ chức Tiêu chuẩn quốc tế ISO [6] đã đưa ra định nghĩa về thuật ngữ như sau: *“Thuật ngữ là tập hợp các từ chỉ khái niệm thuộc về một ngôn ngữ chuyên ngành”*. Ở Việt Nam, Hoàng Văn Hành [5] cho rằng *“Thuật ngữ là những từ ngữ dùng để biểu thị một khái niệm xác định thuộc hệ thống những khái niệm của một ngành khoa học nhất định. Toàn bộ hệ thống thuật ngữ của các ngành khoa học hợp thành vốn thuật ngữ của ngôn ngữ”*, hay như phát biểu của Nguyễn Thiệt Giáp [11] *“Thuật ngữ là bộ phận từ ngữ đặc*

*Liên hệ: thuongho.dt@gmail.com

Nhận bài: 01-08-2019; Hoàn thành phản biện: 31-10-2019; Ngày nhận đăng: 10-11-2019

biệt của ngôn ngữ. Nó bao gồm những từ và cụm từ cố định, là tên gọi chính xác của các khái niệm và các đối tượng thuộc các lĩnh vực chuyên môn của con người”.

Về lĩnh vực thuật ngữ mỹ thuật ở nước ngoài, có thể kể đến một số từ điển mỹ thuật như “Art Dictionary” của Adeline [1], “The Visual Dictionary of Photography” của David Präkel [3] và một số tổng hợp các thuật ngữ về nhiếp ảnh. Đối với tình hình nghiên cứu thuật ngữ Mỹ thuật trong nước hiện nay, hệ thống thuật ngữ Mỹ thuật tiếng Việt chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ, chỉ có một số công trình nghiên cứu như “Từ điển mỹ thuật” của Lê Thanh Lộc [8], “Từ điển mỹ thuật phổ thông” của Đặng Thị Bích Ngân [4], “Từ điển chuyên ngành mỹ thuật” của Nguyễn Thị Hiền Lê [10]. Các nghiên cứu này chủ yếu dành cho việc tìm hiểu các thuật ngữ liên quan đến lĩnh vực mỹ thuật. Tuy nhiên, lĩnh vực tạo hình đa phương tiện là một lĩnh vực nghệ thuật mới được du nhập và phát triển ở Việt Nam chủ yếu là vào những năm đầu của thế kỷ XXI và chính thức được đưa vào giảng dạy tại các trường đại học mỹ thuật ở Việt Nam từ những năm 2010. Do đó, tư liệu chuyên ngành bằng tiếng Việt để giảng dạy, học tập và nghiên cứu những học phần này còn rất hạn chế, mà phần lớn tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh. Bên cạnh đó, hiện nay mảng thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành *Tạo hình Đa phương tiện* (TACN THĐPT) chưa được nghiên cứu và biên soạn nên giảng viên (GV) và sinh viên (SV) gặp khó khăn nhất định trong việc tiếp cận các nguồn tài liệu tham khảo này.

Muốn xây dựng bộ dữ liệu thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành tạo hình đa phương tiện, trước hết chúng ta cần biết tạo hình đa phương tiện (THĐPT) là gì? Tạo hình đa phương tiện (Intermedia Arts) là tên gọi chung cho một nhóm các chất liệu tạo hình đương đại gồm Nghệ thuật video (Video Art), Nhiếp ảnh (Photography), Nghệ thuật sắp đặt (Installation Art), Nghệ thuật trình diễn (Performance art), Nghệ thuật âm thanh (Sound art), Kỹ thuật số phương tiện truyền thông (Digital communication), v.v. hình thành và phổ biến trên thế giới từ nửa cuối thế kỷ XX. Tại trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế (ĐHNT, ĐHH) chuyên ngành THĐPT đào tạo SV các học phần Nhiếp ảnh, Nghệ thuật sắp đặt và Nghệ thuật video. Vì vậy, chúng tôi chỉ xây dựng dữ liệu thuật ngữ cho ba chuyên ngành này. Trong việc xây dựng bộ dữ liệu thuật ngữ này, chúng tôi xác định các tiêu chuẩn cần phải có, bao gồm: tính chính xác, có hệ thống, tính quốc tế, có tính dân tộc, ngắn gọn và dễ dùng, trong đó bốn tiêu chuẩn đầu tiên đặc biệt quan trọng.

Để có cơ sở hoàn thiện bộ dữ liệu một cách khoa học và chính xác, chúng tôi đã triển khai thực nghiệm tại trường ĐHNT trong thời gian một học kỳ và khảo sát ý kiến đánh giá của các chuyên gia, GV, SV và các đối tượng quan tâm khác. Bởi vậy, những kết quả thu được cần xem xét dựa trên bối cảnh và đặc điểm thực tiễn giới hạn của nghiên cứu. Trong bài báo này, chúng tôi trình bày phương pháp và kết quả biên soạn bộ thuật ngữ THĐPT đồng thời báo cáo kết quả ý kiến đánh giá của các chuyên gia và GV sau khi sử dụng thực nghiệm nhằm hoàn thiện bộ thuật ngữ để đưa vào sử dụng phục vụ cho đào tạo của nhà trường.

2. Quá trình xây dựng và đánh giá bộ dữ liệu thuật ngữ Tạo hình đa phương tiện

Khác với dữ liệu thông thường, dữ liệu thuật ngữ là một tập hợp các thuật ngữ thuộc vào một lĩnh vực chủ đề cụ thể, tức là loại dữ liệu bao gồm các nguồn từ vựng chuyên ngành mà không phải toàn bộ từ vựng của một ngôn ngữ. Hệ thống khái niệm đằng sau các thuật ngữ thuộc vào một lĩnh vực chủ đề và các khái niệm này liên hệ với nhau chặt chẽ. Do đó, không thể xây dựng chúng như những từ ngữ thông thường trong kho từ vựng chung của ngôn ngữ. Sager [12] đã chỉ ra rằng dữ liệu thuật ngữ là một bản ghi chép các hệ thống biểu tượng và ký hiệu ngôn ngữ được con người áp dụng trong giao tiếp thuộc các khu vực tri thức và hoạt động có tính chuyên môn hoá. Thông qua bản ghi chép này, các thuật ngữ được miêu tả, xử lý và trình bày một cách nhất quán theo hệ thống của mỗi chuyên ngành.

Theo Nguyễn Khánh Hà [9], để có được một công trình dữ liệu thuật ngữ có giá trị thì việc biên soạn dữ liệu thuật ngữ đòi hỏi người biên soạn phải chú ý tới những đặc điểm sau:

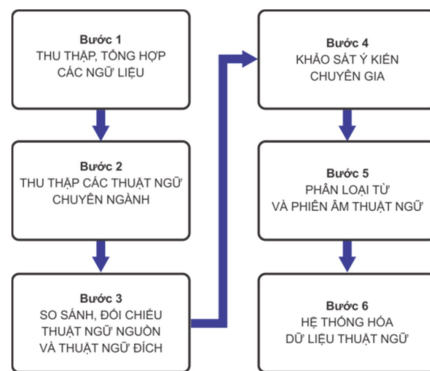
- Về ngữ liệu biên soạn: ngữ liệu chỉ gồm các cú liệu ngôn ngữ liên quan đến chuyên ngành định biên soạn.
- Về nội dung biên soạn: dữ liệu thuật ngữ tập hợp và hệ thống hoá các thuật ngữ theo từng chuyên ngành hoặc vài chuyên ngành, tùy theo định hướng biên soạn.
- Về hướng tiếp cận biên soạn: theo Sager [12] thuật ngữ là sự thể hiện có tính chất ngôn ngữ học về các khái niệm. Vì vậy, khái niệm là phần quan trọng nhất trong từ điển thuật ngữ và người biên soạn cần tạo lập các định nghĩa để trình bày khái niệm mà thuật ngữ biểu thị.
- Về cấu trúc của bộ dữ liệu: các mục từ được sắp xếp theo hai quy tắc là hệ thống từ đồng nghĩa và trật tự bảng chữ cái. Dữ liệu căn bản cho một mục từ thuật ngữ song ngữ bao gồm thuật ngữ nguồn, thuật ngữ đích, số tra cứu, lĩnh vực chủ đề, định nghĩa. Ngoài ra, có thể thêm dữ liệu thuộc các khía cạnh như từ đồng nghĩa, từ viết tắt, ngôn ngữ, cách phát âm, ngữ cảnh, các khái niệm có liên quan, thông tin ngữ pháp, nguồn dẫn, khả năng ứng dụng, người sáng tạo, sự phê chuẩn.

2.1. Quy trình xây dựng dữ liệu thuật ngữ

Để có thể biên soạn một cách khoa học và chính xác dữ liệu thuật ngữ TACN THPT dựa trên các đặc điểm và phương pháp biên soạn từ điển thuật ngữ, chúng tôi đã tiến hành thực hiện quy trình thông qua sáu bước như sau:

- Bước 1: Thu thập, tổng hợp các ngữ liệu từ kết quả khảo sát cũng như lấy ý kiến chuyên gia để chọn lựa nguồn ngữ liệu phù hợp.

- Bước 2: Thu thập các thuật ngữ chuyên ngành trích từ các nguồn ngữ liệu bằng tiếng Việt và tiếng Anh.
- Bước 3: Sử dụng một số từ điển thuật ngữ từ các nguồn về nhiếp ảnh, video và mỹ thuật để so sánh, đối chiếu thuật ngữ nguồn, thuật ngữ đích, các khái niệm, định nghĩa hoặc giải thích thuật ngữ. Trích các ví dụ minh họa trong ngữ cảnh và hình ảnh minh họa nếu có.
- Bước 4: Khảo sát ý kiến chuyên gia trước, trong và sau khi biên soạn dữ liệu để góp ý, bổ sung, chỉnh sửa các thuật ngữ, khái niệm hoặc định nghĩa một cách chính xác và khoa học.
- Bước 5: Phân loại từ, phiên âm các thuật ngữ
- Bước 6: Hệ thống hóa dữ liệu thuật ngữ sau khi hoàn thiện.



Hình 1. Quy trình xây dựng dữ liệu thuật ngữ

2.2. Đánh giá bộ dữ liệu thuật ngữ

Hiện nay vẫn chưa có hình thức cụ thể nào để đánh giá dữ liệu thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành. Vì vậy, để có cơ sở hoàn thiện dữ liệu bộ thuật ngữ này, chúng tôi áp dụng đánh giá dữ liệu thuật ngữ theo hình thức “đánh giá trước khi sử dụng (pre-use evaluation)” là một trong các hình thức đánh giá tài liệu của Cunningsworth [2] để đánh giá dữ liệu đã xây dựng có đúng tiêu chí của một dữ liệu thuật ngữ chuyên ngành và phù hợp với nhu cầu của người sử dụng hay không. Từ đó, có hướng điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện một cách chính xác, khoa học và dễ sử dụng nhất nhằm phục vụ tốt cho công tác đào tạo và nhu cầu học tập của sinh viên Mỹ thuật nói chung và của Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế nói riêng.

Tiêu chí đánh giá bộ dữ liệu thuật ngữ này là kết hợp các đặc điểm của từ điển thuật ngữ và các danh mục đánh giá sách của Cunningsworth [2], từ đó xây dựng thành năm tiêu chí bao gồm tám câu hỏi (với ý kiến phản hồi – 1: không đồng ý hoàn toàn; 2: không đồng ý; 3: không có ý kiến; 4: đồng ý; 5: đồng ý hoàn toàn) để đánh giá như sau:

Tiêu chí 1: Cách bố trí và thiết kế

Câu hỏi 1: Cách bố trí, thiết kế dữ liệu thích hợp, rõ ràng thuận tiện cho việc tra cứu thuật ngữ Anh – Việt, thuật ngữ viết tắt và thuật ngữ Việt – Anh.

Tiêu chí 2: Về ngữ liệu của bộ dữ liệu

Câu hỏi 2: Ngữ liệu chỉ gồm các cứ liệu ngôn ngữ liên quan đến chuyên ngành THĐPT (Nhiếp ảnh, Nghệ thuật video và Nghệ thuật sắp đặt).

Tiêu chí 3: Về nội dung của bộ dữ liệu

Câu hỏi 3: Dữ liệu thuật ngữ TACN THĐPT là tập hợp và hệ thống hóa khá đầy đủ các thuật ngữ thuộc ba chuyên ngành Nhiếp ảnh, Nghệ thuật video và Nghệ thuật sắp đặt.

Tiêu chí 4: Về cấu trúc dữ liệu

Câu hỏi 4: Các mục từ trong dữ liệu được sắp xếp theo hai quy tắc là hệ thống từ đồng nghĩa và trật tự bảng chữ cái.

Câu hỏi 5: Dữ liệu căn bản cho một mục từ thuật ngữ trong chuyên mục Anh – Việt bao gồm: thuật ngữ tiếng Anh (thuật ngữ nguồn); cách phát âm; từ viết tắt (nếu có); từ đồng nghĩa (nếu có); lĩnh vực chủ đề; từ loại; thuật ngữ tiếng Việt (thuật ngữ đích); khái niệm/giải thích/định nghĩa; hình ảnh minh họa (nếu có).

Câu hỏi 6: Khái niệm/giải thích/định nghĩa thuật ngữ khoa học, chính xác, ngắn gọn, dễ hiểu.

Câu hỏi 7: Hình ảnh minh họa rõ ràng, dễ hiểu.

Tiêu chí 5: Sự đồng thuận tổng thể

Câu hỏi 8: Bộ dữ liệu thuật ngữ TACN THĐPT là công cụ tra cứu hữu ích và rất cần thiết phục vụ cho đào tạo và nhu cầu học tập của sinh viên chuyên ngành THĐPT trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế.

2.3. Sơ lược về dữ liệu thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành Tạo hình đa phương tiện

Dữ liệu thuật ngữ TACN THĐPT được biên soạn nhằm phục vụ cho đào tạo và nhu cầu học tập của SV Mỹ thuật nói chung và SV các chuyên ngành THĐPT (chuyên ngành Nhiếp ảnh, Nghệ thuật video và Nghệ thuật sắp đặt) nói riêng.

Bộ dữ liệu thuật ngữ gồm ba chuyên mục: chuyên mục Anh – Việt, chuyên mục Từ viết tắt và chuyên mục Việt – Anh, trong đó chuyên mục Anh – Việt gồm khoảng 1500 thuật ngữ và 500 hình ảnh minh họa, chuyên mục Từ viết tắt khoảng 250 thuật ngữ; chuyên mục Việt – Anh

gồm 1500 thuật ngữ. Dữ liệu căn bản cho một mục từ thuật ngữ bao gồm: thuật ngữ tiếng Anh (thuật ngữ nguồn), cách phát âm, từ viết tắt (nếu có), từ đồng nghĩa (nếu có), lĩnh vực chủ đề, từ loại, thuật ngữ tiếng Việt (thuật ngữ đích), khái niệm/giải thích/định nghĩa, câu ví dụ minh họa (nếu có), hình ảnh minh họa (nếu có).

3. Kết quả

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá việc xây dựng bộ dữ liệu thuật ngữ THĐPT phục vụ đào tạo và nhu cầu học tập tại trường ĐHNT. Bộ dữ liệu thuật ngữ này được xây dựng để trả lời các câu hỏi đặt ra trong nghiên cứu sau đây: Bộ dữ liệu thuật ngữ được xây dựng dựa trên quy tắc gì?; Nội dung dữ liệu có đúng với chuyên ngành Tạo hình đa phương tiện, các khái niệm/ giải thích/ định nghĩa thuật ngữ có khoa học, chính xác, ngắn gọn và dễ hiểu?; Dữ liệu thuật ngữ có phục vụ hiệu quả cho công tác đào tạo và nhu cầu học tập của sinh viên Mỹ thuật chuyên ngành Tạo hình đa phương tiện?

Để trả lời cho những câu hỏi trên, chúng tôi đã thực hiện nghiên cứu định lượng và định tính bằng phương pháp khảo sát – lấy ý kiến chuyên gia và phỏng vấn bán cấu trúc đối với 25 chuyên gia là GV đang giảng dạy các chuyên ngành Nhiếp ảnh, Nghệ thuật sắp đặt và Nghệ thuật video của trường ĐHNT và nghệ sĩ của Hội Nhiếp ảnh Thừa Thiên Huế. Phỏng vấn được thực hiện trước, trong và sau khi hoàn thành việc xây dựng dữ liệu để lấy ý kiến phản hồi về xây dựng các mục từ, thuật ngữ, khái niệm, lựa chọn ngữ liệu phù hợp và bổ sung góp ý để hoàn thiện dữ liệu.

3.1. Kết quả chính

Sau quá trình hoàn thành việc xây dựng bộ dữ liệu thuật ngữ, chúng tôi tiến hành lấy ý kiến đánh giá và phỏng vấn các chuyên gia là GV, nghệ sĩ thuộc các lĩnh vực nhiếp ảnh, nghệ thuật video, nghệ thuật sắp đặt nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả sử dụng bộ dữ liệu thuật ngữ phục vụ cho nhu cầu đào tạo và học tập của SV Mỹ thuật.

Sau khi tiến hành phân tích việc lấy ý kiến và phỏng vấn các chuyên gia thì bộ dữ liệu thuật ngữ TACN THĐPT nhận được đánh giá tốt vì đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của một bộ dữ liệu thuật ngữ chuyên ngành, cụ thể kết quả như sau:

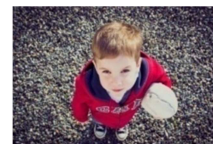
Tiêu chí 1. Về cách bố trí và thiết kế: 100% chuyên gia hoàn toàn đồng ý rằng cách bố trí, thiết kế dữ liệu thích hợp, rõ ràng thuận tiện cho việc tra cứu thuật ngữ Anh – Việt, thuật ngữ viết tắt và thuật ngữ Việt – Anh. Các chuyên gia đánh giá rằng dữ liệu bao gồm ba chuyên mục Anh – Việt, viết tắt và Việt – Anh đã giúp cho người sử dụng dễ dàng tra cứu thuật ngữ từ tiếng Anh sang tiếng Việt hay từ tiếng Việt sang tiếng Anh cũng như thuật ngữ viết tắt nếu cần. Đây là điểm mạnh của bộ dữ liệu này vì phần lớn các từ điển thuật ngữ chỉ có danh mục Anh – Việt nên người tra cứu gặp khó khăn khi cần tra cứu ngược lại từ tiếng Việt sang tiếng Anh.

Ví dụ 1: Phụ lục thuật ngữ Tạo hình đa phương tiện, chuyên mục Anh – Việt

high angle (shot) /,haɪ 'æŋɡl / (cũng **plunge shot**)

(nhiếp ảnh, video) **góc nhìn cao**

Góc quay cao hơn chủ thể, từ dưới đầu gối đến quá đầu một chút



Ví dụ 2: Phụ lục thuật ngữ Tạo hình đa phương tiện, chuyên mục Việt – Anh

góc (quay) nhìn cao

(nhiếp ảnh, video) **high angle (shot)** (cũng **plunge shot**)

Ví dụ 3: Phụ lục thuật ngữ Tạo hình đa phương tiện, chuyên mục viết tắt

DOF (depth of field) (nhiếp ảnh, video): phạm vi lấy nét, chiều sâu bắt nét của tiêu cự

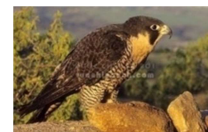
Tiêu chí 2. Về ngữ liệu bộ dữ liệu: 96% chuyên gia đồng ý hoàn toàn và 4% chuyên gia đồng ý rằng ngữ liệu chỉ gồm các cứ liệu ngôn ngữ liên quan đến các chuyên ngành Nhiếp ảnh, Nghệ thuật video và Nghệ thuật sắp đặt. Bộ dữ liệu được đánh giá là “sát với thực tế đào tạo, nhu cầu học tập, nghiên cứu và sáng tác trong lĩnh vực, phục vụ tốt cho việc tra cứu thuật ngữ không chỉ đối với GV, SV mà với những nghệ sĩ hoạt động trong các lĩnh vực này”.

Tiêu chí 3. Về nội dung bộ dữ liệu: Kết quả khảo sát cho thấy 28% đồng ý và 72% đồng ý hoàn toàn rằng dữ liệu thuật ngữ TACN THĐPT là tập hợp và hệ thống hóa khá đầy đủ các thuật ngữ thuộc ba chuyên ngành Nhiếp ảnh, Nghệ thuật video, Nghệ thuật sắp đặt. Tất cả các thuật ngữ trong dữ liệu được trích xuất từ các nguồn giáo trình, tài liệu tham khảo, các nguồn thuật ngữ khác nhau đang được GV, SV, chuyên gia sử dụng trong giảng dạy, học tập, nghiên cứu và sáng tác. Bên cạnh đó, có chuyên gia đề nghị “Giảm bớt một số từ ngữ thuộc chuyên ngành Nhiếp ảnh và Nghệ thuật video vì ít sử dụng hoặc thiên về kỹ thuật photoshop. Vì vậy, kết luận rằng bộ dữ liệu thuật ngữ đang xây dựng là khá đầy đủ có thể phục vụ cho việc tra cứu của người sử dụng.

Ví dụ 1. Phụ lục thuật ngữ Tạo hình Đa phương tiện, chuyên mục Anh – Việt

background distance /'bækgraʊnd 'dɪstəns/(n)

(nhiếp ảnh) **khoảng cách từ đối tượng đến phông nền phía sau**



Ví dụ 2. Phụ lục thuật ngữ Tạo hình đa phương tiện, chuyên mục Anh – Việt

medium angle (shot)

(video) **góc nhìn trung bình**

Hình ảnh được thu gần lại, cho thấy nhân vật được quay từ ngực trở lên



Ví dụ 3. Phụ lục thuật ngữ Tạo hình đa phương tiện, chuyên mục Anh – Việt

installation art /,instə'leɪʃn/ (n)

(sắp đặt) **sắp đặt, nghệ thuật sắp đặt**

Sự kết hợp của các yếu tố thành một tác phẩm nghệ thuật duy nhất được đặt riêng ở một nơi; một tác phẩm nghệ thuật chỉ tồn tại ở nơi nó đã được sắp đặt và không thể di dời như một bức tranh hoặc bản in.



Tiêu chí 4. Về cấu trúc dữ liệu

Đối với câu hỏi 4 thì dữ liệu được xây dựng dựa trên các quy tắc được sử dụng trong việc biên soạn từ điển nói chung và từ điển thuật ngữ nói riêng. Do đó, chúng tôi đã sắp xếp các mục từ trong dữ liệu theo hai quy tắc là hệ thống từ đồng nghĩa và trật tự bảng chữ cái. Do đó, tất cả các chuyên gia đều đồng ý và đồng ý hoàn toàn về tiêu chí này.

Đối với câu hỏi 5 tất cả chuyên gia được khảo sát đồng ý và đồng ý hoàn toàn rằng dữ liệu căn bản cho một mục từ thuật ngữ trong chuyên mục Anh – Việt bao gồm: thuật ngữ tiếng Anh (thuật ngữ nguồn); cách phát âm; từ viết tắt (nếu có); từ đồng nghĩa (nếu có); lĩnh vực chủ đề; từ loại; thuật ngữ tiếng Việt (thuật ngữ đích); khái niệm/giải thích/định nghĩa; hình ảnh minh họa (nếu có).

Đối với câu hỏi 6, về các khái niệm/ giải thích/ định nghĩa thuật ngữ của dữ liệu, tất cả chuyên gia đồng ý (32%) và hoàn toàn đồng ý (68%) rằng các khái niệm/ giải thích/ định nghĩa của thuật ngữ khoa học, chính xác, ngắn gọn và dễ hiểu. Một số chuyên gia phát biểu rằng phần giải thích/ định nghĩa các thuật ngữ khoa học, ngắn gọn, chính xác cùng với hình ảnh minh họa sẽ giúp sinh viên hiểu rõ thuật ngữ hay khái niệm đó và có thể tra cứu và tham khảo phục vụ cho bài học và sáng tác của mình.

Đối với câu hỏi 7, các chuyên ngành Nhiếp ảnh, Nghệ thuật video và Nghệ thuật sắp đặt là các chuyên ngành nghệ thuật gắn liền với thực tế, vì thế để hiểu rõ thuật ngữ đó cần có hình ảnh minh họa giúp cho người tra cứu dễ hiểu và dễ áp dụng. Phần lớn các thuật ngữ có hình ảnh minh họa trong bộ dữ liệu. Thực tế này được các chuyên gia đồng ý (20%) và hoàn toàn đồng ý (80%) với phát biểu hình ảnh minh họa rõ ràng, dễ hiểu. Một số chuyên gia đánh giá cao về những hình ảnh minh họa rõ ràng, dễ hiểu, sát với thực tế có thể giúp cho SV trong việc tra cứu và áp dụng trong học tập và sáng tác. Tuy nhiên, có chuyên gia đề nghị tăng thêm hình ảnh minh họa đối với các thuật ngữ chuyên ngành nhiếp ảnh và nghệ thuật video.

Tiêu chí 5. Về sự đồng thuận tổng thể: Bộ dữ liệu thuật ngữ TACN THĐPT được đánh giá rất cao và tất cả chuyên gia đều hoàn toàn đồng ý rằng nó là công cụ tra cứu hữu ích và rất cần thiết phục vụ cho đào tạo và nhu cầu học tập của sinh viên chuyên ngành THĐPT của trường ĐHNT cũng như các nghệ sĩ trong các lĩnh vực này.

3.2. Một số đề xuất của chuyên gia đối với bộ dữ liệu

Để từng bước hoàn thiện bộ dữ liệu thuật ngữ và nâng cao hiệu quả sử dụng phục vụ cho công tác đào tạo và nhu cầu học tập của SV, các chuyên gia đã có một số đề xuất như sau:

Về hình thức và nội dung của bộ dữ liệu: Hình ảnh minh họa nên được in bằng màu với kích thước lớn hơn. Bổ sung thêm một số hình ảnh minh họa từ các tác phẩm nổi tiếng. Bổ sung thêm một số thuật ngữ thuộc chuyên ngành Nghệ thuật sắp đặt và giảm bớt một số thuật ngữ thuộc chuyên ngành Nhiếp ảnh và Nghệ thuật video ít thông dụng. Bên cạnh đó, có ý kiến cho rằng *“THĐPT là một chuyên ngành nghệ thuật có tính hiện đại, tính phát triển cao nên số lượng từ chuyên ngành ngày càng nhiều với các khái niệm, thuật ngữ mới. Vì vậy, nếu có phương pháp để các GV – SV tham gia tạo nên một nguồn dữ liệu mới mở, được bổ sung thêm thường xuyên các từ ngữ – thuật ngữ chuyên ngành trong các giai đoạn sau sẽ tạo nên một nguồn dữ liệu đầy đủ và thông dụng hơn.”*

Về việc sử dụng dữ liệu: Để sử dụng hiệu quả bộ dữ liệu thuật ngữ phục vụ cho đào tạo học tập của GV và SV thì Nhà trường cần cung cấp và phổ biến rộng rãi bộ dữ liệu đến đến GV, SV cũng như những nhà nghiên cứu cùng chuyên ngành. Dữ liệu nên có sẵn tại thư viện hoặc mỗi văn phòng Khoa để tiện cho việc sử dụng. Trong tương lai cần có thêm bản mềm và được cung cấp rộng rãi cho GV/ SV hoặc được cài đặt sẵn trên máy tính của thư viện trường để mọi người có thể sử dụng khi cần thiết.

4. Kết luận

Kết quả khảo sát cho thấy việc nghiên cứu các phương pháp và quy trình biên soạn thuật ngữ đã giúp chúng tôi xây dựng được dữ liệu thuật ngữ thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành *Tạo hình đa phương tiện* đúng với yêu cầu của một từ điển thuật ngữ hay từ điển chuyên ngành. Cụ thể là lựa chọn được nguồn ngữ liệu, nội dung ngữ liệu, hướng tiếp cận ngữ liệu, xây dựng được cấu trúc vi mô và cấu trúc vĩ mô của dữ liệu một cách khoa học và chính xác.

Theo đánh giá của các chuyên gia, bộ dữ liệu thuật ngữ thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành *Tạo hình đa phương tiện* đã cung cấp khá đầy đủ các thuật ngữ thuộc các lĩnh vực Nhiếp ảnh, Nghệ thuật video và Nghệ thuật sắp đặt. Bố cục của dữ liệu rõ ràng, dễ hiểu và dễ tra cứu; phần nội dung với các khái niệm được trình bày rõ ràng, chính xác; phần hình ảnh và ví dụ minh họa giúp người sử dụng dễ hiểu, sử dụng đúng ngữ cảnh trong chuyên môn. Bộ dữ liệu là công cụ tra cứu cần thiết cho GV, SV, nghệ sĩ và các nhà nghiên cứu trong quá trình giảng

dạy, học tập, nghiên cứu và sáng tác cũng như hỗ trợ cho việc dạy – học tiếng Anh chuyên ngành.

Sau khi phân tích ý kiến đánh giá và góp ý về bộ dữ liệu, chúng tôi đã chỉnh sửa một số thuật ngữ và tăng cường thêm hình ảnh minh họa để bộ dữ liệu thuật ngữ được hoàn thiện một cách khoa học, chính xác và sát với thực tế sử dụng của GV, SV và người sử dụng.

Vấn đề nghiên cứu này chúng tôi sẽ tiếp tục phát triển để biên soạn và xuất bản thành từ điển thuật ngữ tạo hình đa phương tiện Anh – Việt (chuyên ngành Nhiếp ảnh, Nghệ thuật video và Nghệ thuật sắp đặt) và ứng dụng công nghệ thông tin vào việc tra cứu các thuật ngữ bằng phần mềm trên máy tính để việc sử dụng được thuận tiện, nhanh chóng và hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Adeline, J. (1891), *Adeline's Art dictionary*, Frederick William Fairholt.
2. Cunningsworth, A. (1995), *Choosing Your Coursebook*. Heinemann.
3. Präkel, D. (2009), *The Visual Dictionary of Photography*, Bloomsbury Publishing.
4. Đặng Thị Bích Ngân (chủ biên) (2003), *Từ điển mỹ thuật phổ thông*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.
5. Hoàng Văn Hành (1983), Về sự hình thành và phát triển của thuật ngữ tiếng Việt. *Tạp chí Ngôn ngữ*, 4(26).
6. ISO (2000), *ISO 1087-1: 2000. Travaux terminologiques –Vocabulaire – Partie 1 : Théorie et application*, p.10.
7. Kapanadz, L.A. (1978), *Về những khái niệm thuật ngữ và hệ thuật ngữ*, Trần Thị Tuyên dịch, Tài liệu của Viện ngôn ngữ học.
8. Lê Thanh Lộc (1997), *Từ điển mỹ thuật*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
9. Nguyễn Khánh Hà (2013), Về phương pháp biên soạn từ điển thuật ngữ. *Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam*. (Truy cập vào ngày 24 tháng 3 năm 2018) http://www.bachkhoatoanthu.vass.gov.vn/noidung/anpham/Lists/baiviettoanvan/View_Detail.aspx?ItemID=43.
10. Nguyễn Thị Hiền Lê (2009), *Từ điển chuyên ngành Mỹ thuật*. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế.
11. Nguyễn Thiện Giáp (2016), *Từ điển khái niệm ngôn ngữ học*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
12. Sager, Juan C. (1990). *A Practical Course in Terminology Processing*. Amsterdam: J. Benjamins. Sablayrolles, Jean-François ed. (2003) *L'innovation lexicale* [Colloquium, Limoges 2001] (Lexica. Mots et Dictionnaires). Paris: H. Champion [Editorial introduction, index and 24 papers by 26 authors].

EVALUATION OF ENGLISH TERMINOLOGY DATA FOR INTERMEDIA ARTS IN TEACHING AND LEARNING

Ho Dac Diem Thuong*

University of Arts, Hue University, 10 To Ngoc Van St., Hue, Vietnam

Abstract. ESP terminology is a tool that helps lecturers and students access new sources of knowledge, and therefore the compilation of ESP terminology data for teaching and learning is an indispensable need of researchers. To make the terminology data effective, the compilation must be accurate, scientific, and user-friendly. Therefore, the pre-use evaluation of the terminology data set is of vital importance for the compilers to adjust, supplement, and complete it before putting it into use. This article introduces the process of compiling and pre-use evaluation to complete the Intermedia Arts terminology data set for the training and learning needs of Fine Arts students in general and for those at University of Arts, Hue University, in particular. The paper analyzes the experts' evaluation of the data set. Several suggestions to improve the efficiency of using the data set for the training and learning needs of students at University of Arts, Hue University are also presented.

Keywords: compiling, ESP terminology, Intermedia Arts, terminology data set, evaluation